

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HS-PT

Ngày 21/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Phạm Văn T, sinh ngày 03/8/1954 tại tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 4/7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Trần Thị V (đều đã chết); có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2020, bị cáo Ủy ban nhân dân xã N phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm phạm đến sức khoẻ của người khác (bị cáo đã nộp phạt ngày 26/11/2020); bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

- Bị hại không có kháng cáo: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Bị cáo và bị hại đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2017, bà Bùi Thị G, sinh năm 1961, địa chỉ ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (vợ Phạm Văn T) cho anh Phạm Văn B vay số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên thống nhất tính lãi 0,7%/tháng, anh B viết giấy vay nợ đưa cho bà G giữ. Từ đó đến tháng 8/2023 anh B đã trả cho bà G số tiền gốc 73.000.000 đồng. Tuy nhiên sau nhiều lần hứa hẹn không trả được số tiền gốc còn lại là 7.000.000 đồng, hai bên thống nhất anh B phải trả cho bà G tổng cộng 8.000.000 đồng (gồm 7.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi). Đến sáng ngày 16/8/2023, Phạm Văn T đến nhà anh B đòi tiền, anh B nói đã hẹn trả tiền bà G vào tối ngày 20/8/2023. Trưa ngày 20/8/2023, T đến nhà anh B đòi tiền thì được anh B nói tối cùng ngày sẽ đến trả tiền. Khoảng 21 giờ ngày 20/8/2023, T thấy anh B không thực hiện đúng lời hứa trả tiền nên đi xe máy điện màu đen, biển kiểm soát 34MĐ4- 033.25 (tài sản chung của vợ chồng T) đến nhà anh B. Khi đến thì nhà anh B không có ai ở nhà, T ngồi ở hiên nhà. Một lúc sau, anh Phạm Văn H, sinh năm 1976 (anh trai B) ở cùng thôn đi về. Tại đây, anh H và T xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi, xô đẩy nhau. Trong khoảng từ 21 giờ 22 phút đến 21 giờ 31 phút cùng ngày, anh B đi về nhà, vào can ngăn không cho hai bên cãi, chửi nhau nữa. Tiệc vào khu vực bếp nhà anh B, lấy 01 con dao bằng kim loại, màu đen, dài 41,5 cm cầm bằng tay trái dọa chém anh H thì anh H chạy sang nhà hàng xóm. Lúc này, anh B bảo T đi về để sáng hôm sau trả tiền. Tiệc đứng đối diện, tay trái cầm dao để phần lưỡi dao kề vào phía bên phải cổ anh B và nói “mày có trả không, không tao giết mày”, tức là Tiệc đe dọa yêu cầu anh B trả số tiền 8.000.000 đồng. Anh B nói “ông ơi ông về đi, sáng mai cháu ra gửi tiền”. Tiệc vẫn kề dao ở cổ anh B và nói “mày phải trả ngay, không tao giết mày”. Do sợ Tiệc cứa cổ nên anh B tiếp tục động viên, nói với T đi về rồi sẽ chuyển khoản trả tiền. Khi thấy T không để ý nên anh B sử dụng tay trái giữ cổ tay cầm dao, đẩy Tiệc ra, đồng thời anh B lùi lại. Lúc này anh B thấy cổ bị ướt nên đi vào hiên nhà ngồi thì thấy cổ chảy máu. Sau đó T đi về phía anh B, cầm dao hướng về phía anh B và tiếp tục đòi tiền. Một lúc sau T vút dao về phía hiên nhà nơi anh B đang ngồi rồi nói “15 phút nữa quay lại giết thằng H, mày không trả tao giết cả nhà mày”. Ngay sau đó anh B trình báo sự việc cho Công an xã N, huyện N. Đến khoảng 21 giờ 54 phút cùng ngày, lực lượng Công an xã N đến ghi nhận hiện trường thì T đi bộ đến nhà anh B, sau lưng để 01 con dao gọt hoa quả (lấy ở nhà T). Khi đến nhà anh B, T tiếp tục yêu cầu anh B trả tiền. Công an xã N yêu cầu T bỏ dao ra rồi mời về làm việc nhưng T không chấp hành thì bị lực lượng Công an xã N khống chế, thu giữ 01 con dao gọt hoa quả trên người Tiệc. Sự việc được camera của nhà anh B ghi lại.

Tại Kết luận giám định số 339/ KLTTCT ngày 17 tháng 10 năm 2023, Trung tâm Pháp y tỉnh H kết luận đối với anh Phạm Văn B: Vết xước da vùng cổ

trước bên phải. Hiện để lại vết thẫm màu vùng cổ trước bên phải. Căn cứ Thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn B tại thời điểm giám định là: Không có mục xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra với tổn thương này.

Tại Kết luận giám định số 9661/KL-KTHS ngày 21 tháng 02 năm 2024, V1 - Bộ Công an kết luận đối với 06 tệp video được lưu trong 01 USB nhãn hiệu Kingston màu bạc, dung lượng 08 GB: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video mẫu cần giám định.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo T 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 6 năm 2024, bị cáo T kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo trình bày nguyên nhân dẫn đến sự việc do bị hại nợ tiền bị cáo đây đưa không trả. Ngày 20/8/2023 trước khi đến nhà bị hại, bị cáo đã uống rượu nên không thực sự tỉnh táo, minh mẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tương quan lực lượng giữa bị cáo và bị hại; các video trích xuất từ camera đã bị cắt ghép, chỉnh sửa. Vì vậy mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Bị hại thừa nhận có nợ tiền vợ chồng bị cáo, khi bị hại có tiền thì vẫn trả nợ nhưng mấy năm qua do dịch bệnh nên hoàn cảnh khó khăn, không trả tiền đúng hạn. Bị hại không đồng ý với kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm bị cáo trên 70 tuổi nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo từ 3 - 6 tháng tù. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 31 phút ngày 20/8/2023 tại nhà anh Phạm Văn B ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, do bức tức việc anh B không trả tiền nợ trước đó, Phạm Văn T cầm 01 con dao bằng kim loại, màu đen, dài 41,5 cm (dao của nhà anh B), phần lưỡi dao kê vào cổ phía bên phải anh B và yêu cầu anh B trả số tiền 8.000.000 đồng (trong đó 7.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi). Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xét xử bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS là đúng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về hình phạt: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có một phần lỗi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo sinh ngày 03/8/1954, đến thời điểm xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã trên 70 tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng nguyên nhân xảy ra sự việc do bị hại nhiều lần hứa hẹn trả tiền cho vợ chồng bị cáo nhưng không thực hiện; hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát; hiện nay bị cáo đã cao tuổi; tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ mới nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện rõ sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Về kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù, là tội phạm rất nghiêm trọng, mặc dù được giảm nhẹ hình phạt nhưng không thuộc trường hợp có thể cho hưởng án treo nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2012/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Phạm Văn T; sửa bản án sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm o, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn T 06 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Quyết định bắt bị cáo ngay tại phiên toà để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/8/2024.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam-CA tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện N (02 bản);
- VKSND huyện N;
- CQCSĐT-CA huyện N;
- CQTHAHS-CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, Toà, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng